TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 527/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 38/8 KV1, phường T, quận B, Thành phố Cần Thơ; Địa chỉ liên lạc: 384/85/11 đường L, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm: 1985; Địa chỉ: số 4 đường H (tên đường cũ: Đường 16), Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 2 năm 2020, nộp tại tòa ngày cùng 10/02/2020 các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Bà H và ông Lê Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012 theo giấy chứng

nhận kết hôn số 79/2012, quyển số 01 ngày 13/4/2012. Từ khi đăng ký kết hôn bà H và ông H sống chung với nhau được 9 tháng thì hai bên xảy ra mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân. Đến tháng 02/2013 bà H mất thông tin liên lạc với ông H, bà H cũng đã nhiều lần tìm kiếm ông H nhưng không có tin tức gì về ông H. Theo quyết định số 02/2020/QĐST-DS ngày 09/01/2020 của Toà án nhân dân Quận 8 đã tuyên bố ông H mất tích. Để ổn định cuộc sống nay bà H yêu cầu Tòa xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn H. Trong thời gian chung sống giữa bà H và ông H không có con chung; không có tài sản chung và không có thiếu nợ gì của ai.

Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt tại tòa do đó không có lời khai của đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Tòa án nhân dân Quận 8 tuyên bố ông Lê Văn H mất tích theo Quyết định số 02/2020/QĐST-DS ngày 09/01/2020. Do bị đơn ông Lê Văn H có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Lê Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 79/2012, quyển số 01 đăng ký ngày 13/4/2012; Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân H xin ly hôn với ông Lê Văn H. Từ khi đăng ký kết hôn bà H và ông H sống chung với nhau được 9 tháng thì hai bên xảy ra mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân. Đến tháng 02/2013 bà H mất thông tin liên lạc với ông H, bà H cũng đã nhiều lần tìm kiếm ông H nhưng không có tin tức gì về ông H. Theo quyết định số 02/2020/QĐST-DS ngày 09/01/2020 của Toà án nhân dân Quận 8 đã tuyên bố ông H mất tích. Do đó việc

bà Nguyễn Thị Xuân H xin ly hôn với ông Lê Văn H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Bà H khai trong thời gian chung sống bà H và ông H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân H xin ly hôn với ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Bà H khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0012929 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Nguyễn Thị Xuân H đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P4, Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn